

Bản án số: 81/2018/DS-ST

Ngày: 24-10-2018.

V/v: tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Th Vân;

2. Bà Phạm Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Lê Quế Thanh – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLST – DS ngày 13/8/2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền của bà T: anh Võ Thanh V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: phường B, thị xã C, Tiền Giang.

* *Bị đơn:* chị **Nguyễn Thanh Th**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị **Ngô Ngọc B**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Anh V, chị Th và chị B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của anh Võ Thanh V là đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định: Do quen biết, ngày 14/7/2014 âm lịch bà Ngô Thị T có cho chị Nguyễn Thanh Th vay số tiền 40.000.000 đồng, không lãi suất, thỏa thuận hạn trả nợ ngày 30/4/2015, có lập biên nhận. Đến ngày 15/7/2015, chị Th tiếp tục vay của bà T 25 chỉ vàng 24K, không lãi suất, khi nào bà T cần lấy lại báo trước cho chị Th 30 ngày, có lập biên nhận ngày 28/8/2105. Sau đó chị Th có gửi cho chị Ngô Ngọc

B là con gái của bà T trả cho bà T số tiền 14.000.000 đồng, chị B có giao lại cho bà T số tiền này.

Bà Ngô Thị T yêu cầu giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thanh Th phải trả cho bà 25 chỉ vàng 24K và số tiền 49.500.000 đồng, trong đó tiền vốn là 26.000.000 đồng tiền lãi là 23.500.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ bà T đã nộp: 01 biên nhận ngày 14/7/2014 dương lịch, 01 biên nhận ngày 28/8/2015 âm lịch.

Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thanh Th trình bày tại bản khai và phiên hòa giải như sau: chị có vay của chị Ngô Ngọc B số tiền 40.000.000 đồng và bà Ngô Thị T 25 chỉ vàng 24K. Tất cả đều do chị và chị B giao dịch với nhau do mẹ của chị B là bà Ngô Thị T bị lãng tai nên không nghe chị nói chuyện được nhiều.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng chị có trả cho chị B mỗi tháng 1.200.000 đồng tiền lãi, trả được 36 tháng là 43.200.000 đồng tính từ 14/7/2014 đến ngày 25/7/2017 âm lịch. Còn 25 chỉ vàng thì mỗi tháng trả 2.400.000 đồng, chị trả cho chị B được 24 tháng với số tiền 57.600.000 đồng tính từ ngày 15/7/2015 đến ngày 15/7/2017, những lần giao tiền lãi không có ký nhận của chị B. Sau đó chị B có cho chị trả vốn mỗi tháng 2.000.000 đồng và chị trả được 14.000.000 đồng. Chị Th đồng ý trả cho bà T 26.000.000 đồng vốn và 25 chỉ vàng 24K, không đồng ý trả lãi vì hoàn cảnh khó khăn.

Tài liệu, chứng cứ chị Th đã nộp: 01 biên nhận tiền có chữ ký của Ngô Ngọc B.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Ngọc B trình bày tại bản khai xác định: chị là con ruột của bà Ngô Thị T, số tiền chị Th vay 40.000.000 đồng và số vàng 25 chỉ vàng 24K là của bà T, do bà T lớn tuổi sinh hoạt khó khăn nên chị thay mặt bà T giao tiền và vàng cho chị Th. Chị có nhận số tiền 14.000.000 đồng từ chị Th và đã giao lại cho bà T đủ 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Anh Võ Thanh V là đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị T xác định bà T giữ nguyên yêu chị Th trả 25 chỉ vàng 24K và tiền vốn 26.000.000 đồng, về tiền lãi ông xác định bà T không có nhận tiền lãi từ chị Th, bà T đã giao cho chị B thay mặt bà nhận tiền lãi từ chị Th, bà T chỉ yêu cầu chị Th trả 10.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thanh Th đồng ý trả cho bà T 26.000.000 đồng vốn và 25 chỉ vàng 24K, đồng ý trả cho bà T 10.000.000 đồng tiền lãi và xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng do không khả năng trả một lần.

- Chị Ngô Ngọc B xác định số tiền 40.000.000 đồng vốn và 25 chỉ vàng 24K chị giao cho chị Th là của bà Ngô Thị T cho chị Th vay nên biên nhận vay thể hiện chị Th vay của bà T, chị thừa nhận có nhận từ chị Th số tiền 14.000.000 đồng là nhận thay cho bà T và chị đã giao cho bà T đủ 14.000.000 đồng, ngoài ra chị Th có đưa chị tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần và đã đưa lại cho bà T, chị không phải là người nhận tất cả tiền lãi hàng tháng từ chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị T và chị Nguyễn Thanh Th được giao kết và thực hiện trước ngày 01.01.2017 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[2] Tại phiên tòa anh V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị T xác định bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi tương ứng số tiền 13.500.000 đồng là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Th không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đã rút.

[3] Quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị T và chị Nguyễn Thanh Th thực tế phát sinh.

Tại phiên tòa, anh V là người đại diện theo ủy quyền của bà T thỏa thuận được số vàng, tiền vốn, tiền lãi chị Th phải trả cho bà T nhưng không thống nhất thời hạn trả nợ.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Việc thỏa thuận giữa chị Th và anh V là trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại các điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên ghi nhận chị Th đồng ý trả cho bà T 25 chỉ vàng 24K và 36.000.000 đồng (tiền vốn 26.000.000 đồng, tiền lãi 10.000.000 đồng).

- Về thời hạn trả nợ:

Tại phiên tòa chị Th xin trả nợ làm nhiều lần với mỗi lần trả là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ không được anh V là người đại diện theo ủy quyền của bà T đồng ý, chị Th không có tài liệu chứng cứ chứng minh giữa chị và bà T có thỏa thuận cho chị trả nợ nhiều lần nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả nợ nhiều lần của chị Th mà cần buộc chị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà T 25 chỉ vàng 24K và số tiền 36.000.000 đồng một lần theo yêu cầu của bà T.

[4] Án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Th là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mức án phí tính trên giá vàng 24K tương đương 3.600.000 đồng/chỉ do hai bên thỏa thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005;
- Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T đối với số tiền 13.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Ngô Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T 25 chỉ vàng 24K và số tiền 36.000.000 đồng (tiền vốn 26.000.000 đồng , tiền lãi 10.000.000 đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Ngô Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thanh Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí:

Chị Th phải chịu 6.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.850.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01762 ngày 09/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Ánh Tuyết